

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 6 - 2021
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Mỹ Lợi
2. Bà Cao Thị Diệu Hiền.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Kim Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:
Ông Lê Tiến Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2021/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 01 năm 2021 về “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - không công nhận quan hệ vợ chồng*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1973
Địa chỉ: Số 212/2A, ấp Đ, xã T, thành phố S, tỉnh Đ1.

Bị đơn: Ông Đinh Công H1, sinh năm 1957
Địa chỉ: Số 65, khóm T1, phường Q, thành phố S, tỉnh Đ1.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Bà H và ông H1 chung sống vợ chồng vào khoảng năm 2006, không có tổ chức đám cưới do Bà H và ông H1 trước đó đã có gia đình,

có con riêng. Sau khi về sống chung cũng không đi đăng ký kết hôn, do cuộc sống khó khăn, phải đi làm nên không nghĩ đến việc đi đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông H1 thường xuyên uống rượu say, kiếm chuyện gây gổ cự cãi, đuổi bà H ra khỏi nhà, không cho sống chung, ông H1 còn đem quần áo của bà H quăng ra ngoài đường. Sau khi tỉnh rượu thì ông H1 xin lỗi, vì con nên bà H bỏ qua nhưng được một thời gian thì ông H1 lại kiếm chuyện gây gổ. Đến tháng 10/2020, vợ chồng cãi nhau ông H1 tiếp tục đuổi bà H đi nên bà H bỏ về nhà mẹ ruột sống và vợ chồng ly thân cho đến nay.

Nay bà H nhận thấy không còn tình cảm với ông Hoàng, bà H không thể tiếp tục chung sống với ông H1 nên yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Hoàng.

Về con chung: Có 01 con tên Đinh Thị Tường V, sinh ngày 26/5/2009, hiện đang sống với ông H1. Khi ly hôn, do nguyên vọng con muốn sống với ông H1 nên bà H đồng ý giao con cho ông H1 nuôi con, bà H đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật

Về chia tài sản chung và chia nợ chung: Bà H xác định không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, bị đơn là ông Đinh Công H1 trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Ông H1 và bà H chung sống như vợ chồng từ năm 2006, không đăng ký kết hôn do hai bên trước khi đến với nhau đều đã có gia đình (nhưng đã ly hôn). Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bà H cờ bạc, không quan tâm chăm sóc gia đình nên vợ chồng cự cãi, ông H1 nóng giận nên có đuổi bà H đi. Sau đó, ông H1 có xin lỗi, hòa giải, bà H trở về chung sống. Vợ chồng sống được một thời gian thì tiếp tục gây gổ, cự cãi. Đến cuối năm 2020, bà H dọn đồ về nhà mẹ ruột sống và vợ chồng ly thân đến nay. Nay về tình cảm ông H1 còn thương bà H, ông H1 không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con tên Đinh Thị Tường V, sinh ngày 26/5/2009, hiện đang sống với ông H1. Trường hợp ly hôn, ông H1 yêu cầu nuôi con, yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật

Về tài sản chung và nợ chung: Ông H1 xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Tại biên bản ghi nhận ý kiến con ngày 19/4/2021 con của bà H và ông H1 là cháu Đinh Thị Tường V, sinh ngày 26/5/2009 trình bày: Khi cha mẹ ly hôn thì cháu V có nguyện vọng sống với cha là ông H1.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa

cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về Hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Nguyễn Thị Ngọc H và ông Đinh Công H1.

- Về nuôi con chung: Đề nghị HĐXX công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cho ông H1 nuôi dưỡng con chung tên Đinh Thị Tường V, sinh ngày 26/5/2009. Bà H cấp dưỡng nuôi con mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự xác định không có, không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Đinh Công H1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy trường hợp vắng mặt của bị đơn không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa. Do đó, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc H về việc yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Đinh Công H1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Đinh Công H1 chung sống như vợ chồng từ năm 2006, trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý...”.

Đồng thời, tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”.

Hội đồng xét xử xét thấy: Lẽ ra trong quá trình chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 đến nay, Bà H và ông H1 phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn để được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp, nhưng bà H và ông H1 đã không tuân thủ việc kết hôn theo quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông H1 không có giá trị về mặt pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hơn nữa, trong quá trình chung sống như vợ chồng đến năm 2020 giữa bà H và ông H1 đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông H1 thường xuyên uống rượu, khi về đến nhà thì kiếm chuyện gây gổ, đánh đuổi vợ ra khỏi nhà, phía bà H thì tham gia cờ bạc, không có sự quan tâm lo lắng cho gia đình dẫn đến cuộc sống hôn nhân giữa ông bà không có hạnh phúc.

Tại phiên tòa hôm nay, bà H xác định là không còn tình cảm, không muốn hàn gắn, tiếp tục chung sống vợ chồng với ông H1 và có yêu cầu được ly hôn ông Hoàng. Ông H1 xin vắng mặt và có ý kiến không đồng ý ly hôn bà H, nhưng từ khi vợ chồng sống ly thân ông H1 cũng đã năn nỉ, động viên hàn gắn tình cảm với bà H nhưng bà H vẫn kiên quyết không quay lại tiếp tục chung sống với ông H1. Điều đó, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông H1 đã thật sự trầm trọng, nếu bà H và ông H1 có tiếp tục chung sống cũng không có hạnh phúc. Do đó, bà H yêu cầu được ly hôn với ông H1 là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, bà H và ông H1 không có đăng ký kết hôn nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 14 và Khoản 2 Điều 53, Hội đồng xét xử không công nhận bà H và ông H1 là vợ chồng.

[2.2] Về nuôi con chung: Xét thấy, Bà H và ông H1 xác định quá trình chung sống có 01 con tên Đinh Thị Tường Vi, sinh ngày 26/5/2009, hiện con đang sống với ông H1. Trong trường hợp ly hôn, bà H và ông H1 thỏa thuận: ông H1 được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau ly hôn. Xét thấy, sự thỏa thuận về việc nuôi con chung sau ly hôn giữa bà H và ông H1 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của cháu V nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà H có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con, không ai có quyền cản trở là phù hợp với các Điều 81, 82, 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn mức cấp dưỡng nuôi con bằng 50% mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm thi hành án. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của bà H, không trái với quy định pháp luật và đảm bảo quyền lợi cho cháu V, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông H1 cùng xác định là không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn và cấp dưỡng nuôi con) theo quy định của pháp luật.

[4] Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Đinh Công H1.

2. Về nuôi con chung: Ông Đinh Công H1 được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Đinh Thị Tường V, sinh ngày 26/5/2009, hiện con đang sống với ông H1.

Bà Nguyễn Thị Ngọc H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng 50% mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm thi hành án. Thời gian cấp dưỡng tính từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Đinh Thị Tường V thành niên đủ 18 tuổi.

Bà Nguyễn Thị Ngọc H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con sau ly hôn không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông H1 xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc H nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (về cấp dưỡng nuôi con). Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, bà H đã nộp ngày 20/01/2021 theo biên lai thu số 0008654 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc được khấu trừ toàn bộ án phí phải nộp. Bà H còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND thành phố Sa Đéc;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng;

Nguyễn Thị Phấn

